

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2021

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga.

2. Ông Nguyễn Hoàng Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 17/TB-TA ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị đơn: Ông Lê Đình P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị V và ông Lê Đình P quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian thì kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 21/4/2011. Thời gian đầu, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng, sau đó ra ở riêng tại

Áp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Ông P thường xuyên gây gỗ đánh đập bà V Nều lần, mỗi lần ông P đánh đập thì bà V có báo Ban áp giải quyết nhưng sau đó ông P vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Vào năm 2017, bà V đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện D nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay, bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà V và ông P có 02 con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 20/12/2011 và Lê Hoàng Yến N, sinh ngày 31/5/2014, hiện nay đang sống chung cùng với bà V và ông P. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Yến N và giao cháu Lê Đình T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Lê Đình P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông P đến Tòa án để làm việc, nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn giải quyết vụ án còn để kéo dài quá 04 tháng là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, tuy vi phạm trên không ảnh hưởng tới nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Lê Đình P cư trú tại xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định

quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Đình P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm ngày 29/01/2021 và ngày 11/3/2021, nhưng ông Lê Đình P đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Đình P theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 26/2011, quyền số 01/2011 ngày 21/4/2011 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà V và ông P là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Hai bên vẫn chung sống một nhà nhưng đã ly thân, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm. Nay, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà V và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà V được ly hôn ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung*: Xét việc bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Yến N và giao cháu Lê Đình T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng thấy rằng, hiện nay cháu N và cháu T đang sống cùng bà V và ông P. Cháu T có nguyện vọng được ở với ông P nếu bà V và ông P ly hôn, vì vậy giao cháu T cho ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho bà V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên ông P và bà V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung*: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn là bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Hoàng Thị V được ly hôn ông Lê Đình P.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Hoàng Yến N, sinh ngày 31/5/2014 cho bà Hoàng Thị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Đình T, sinh ngày 20/12/2011 cho ông Lê Đình P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Hoàng Thị V và ông Lê Đình P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hoàng Thị V và ông Lê Đình P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Hoàng Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008477 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Hoàng Thị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

